

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước
của Công ty TNHH May Man Seon Global**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của UBND tỉnh ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 262/GP-UBND ngày 27/12/2013, số 469/GP-UBND ngày 27/12/2017 và Giấy phép điều chỉnh số 175/GP-UBND ngày 06/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH May Man Seon Global;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1017/TTr-STNMT ngày 12/10/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH May Man Seon Global theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 262/GP-UBND ngày 27/12/2013; số 469/GP-UBND ngày 27/12/2017 và Giấy phép điều chỉnh số 175/GP-UBND ngày 06/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh, với các nội dung chính như sau:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Công ty TNHH May Man Seon Global;

Địa chỉ: Thôn 8, Thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa;

2. Công trình khai thác, sử dụng nước: 03 giếng khai thác nước dưới đất trong khu đất của công ty tại Thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa;

3. Mục đích sử dụng nước phải nộp tiền: Chỉ phục vụ cho sinh hoạt, cấp nước cho lò hơi, vệ sinh nhà xưởng của Xưởng may mặc xuất khẩu thuộc công ty; không thực hiện việc kinh doanh nước bán ra ngoài phạm vi công ty.

4. Giá tính tiền cấp quyền khai thác:

- $G_1 = 70.000$ đồng/ m^3 (đối với nước dưới đất dùng sản xuất phi nông nghiệp);
- $G_2 = 5.000$ đồng/ m^3 (đối với nước dưới đất dùng cho vệ sinh công nghiệp, tạo hơi);

5. Sản lượng tính tiền cấp quyền khai thác

5.1. Sản lượng theo Giấy phép số 262/GP-UBND ngày 27/12/2013:

$W_1 = 50$ (m^3 /ngày, đêm) x 117 (ngày) = 5.850 m^3 (Thời gian tính tiền từ ngày 01/9/2017 đến hết ngày 26/12/2017 là 117 ngày).

5.2. Sản lượng theo Giấy phép số 469/GP-UBND ngày 27/12/2017

- Sản lượng dùng cho sinh hoạt:

$$W_2 = 48 \text{ m}^3/\text{ngày} \times 1.013 \text{ ngày} = 48.624 \text{ m}^3$$

- Sản lượng dùng cho vệ sinh công nghiệp:

$W_3 = 2 \text{ m}^3/\text{ngày} \times 1.013 \text{ ngày} = 2.026 \text{ m}^3$ (Thời gian tính tiền từ ngày 27/12/2017 đến hết ngày 05/10/2020 là 1.013 ngày).

5.3. Sản lượng theo Giấy phép số 175/GP-UBND ngày 06/10/2020

- Sản lượng dùng cho sinh hoạt:

$$W_4 = 45 \text{ m}^3/\text{ngày} \times 300/365 \text{ ngày} \times 812 \text{ ngày} = 30.033 \text{ m}^3;$$

- Sản lượng dùng cho vệ sinh công nghiệp:

$$W_5 = 2 \text{ m}^3/\text{ngày} \times 300/365 \text{ ngày} \times 812 \text{ ngày} = 1.335 \text{ m}^3;$$

- Sản lượng dùng cho tạo hơi:

$$W_6 = 3 \text{ m}^3/\text{ngày} \times 300/365 \text{ ngày} \times 812 \text{ ngày} = 2.002 \text{ m}^3;$$

Chế độ khai thác là 300/365 ngày; thời gian tính tiền từ ngày 06/10/2020 đến hết ngày 26/12/2022 (ngày hết hiệu lực của giấy phép khai thác nước dưới đất số 175/GP-UBND ngày 06/10/2020) là 812 ngày.

6. Hệ số điều chỉnh (K): $K = 1 + (0,3 + 0 + 0,05) = 1,35$.

7. Mức thu tiền cấp quyền khai thác:

- $M_1 = 1,5$ % (Mức thu khai thác nước dùng cho sản xuất phi nông nghiệp);
- $M_2 = 0,2$ % (Mức thu khai thác nước dùng cho tạo hơi);

8. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đơn vị phải nộp

8.1. Số tiền phải nộp theo Giấy phép số 262/GP-UBND ngày 27/12/2013:

$$T_{GP262} = W_1 \times G_1 \times K \times M_1 = 5.850 \text{ m}^3 \times 70.000 \text{ đ}/\text{m}^3 \times 1,35 \times 1,5\% = 8.292.375 \text{ đồng}$$

8.2. Số tiền phải nộp theo Giấy phép số 469/GP-UBND ngày 27/12/2017:

- Số tiền phải nộp cho mục đích sinh hoạt:

$$T_1 = W_2 \times G_1 \times K \times M_1 = 48.624 \text{ m}^3 \times 70.000 \text{ đồng}/\text{m}^3 \times 1,35 \times 1,5\% = 68.924.520 \text{ đồng}$$

- Số tiền phải nộp cho mục đích vệ sinh công nghiệp:

$$T_2 = W_3 \times G_2 \times K \times M_1 = 2.026 \text{ m}^3 \times 5.000 \text{ đồng}/\text{m}^3 \times 1,35 \times 1,5\% = 205.133 \text{ đồng}$$

$$T_{GP469} = T_1 + T_2 = 69.129.653 \text{ đồng}$$

8.3. Số tiền phải nộp theo Giấy phép số 175/GP-UBND ngày 06/10/2020:

- Số tiền phải nộp cho mục đích sinh hoạt:

$$T_1 = W_1 \times G_1 \times K \times M_1 = 30.033 \text{ m}^3 \times 70.000 \text{ đ/m}^3 \times 1,35 \times 1,5\% = 42.571.778 \text{ đồng.}$$

- Số tiền phải nộp cho mục đích vệ sinh công nghiệp:

$$T_2 = W_5 \times G_2 \times K \times M_1 = 1.335 \text{ m}^3 \times 5.000 \text{ đ/m}^3 \times 1,35 \times 1,5\% = 135.169 \text{ đồng.}$$

- Số tiền phải nộp cho mục đích tạo hơi:

$$T_3 = W_6 \times G_2 \times K \times M_2 = 2.002 \text{ m}^3 \times 5.000 \text{ đ/m}^3 \times 1,35 \times 0,2\% = 27.027 \text{ đồng.}$$

$$T_{\text{GP175}} = T_1 + T_2 + T_3 = 42.733.974 \text{ đồng.}$$

* Tổng số tiền phải nộp: $T = T_{\text{GP262}} + T_{\text{GP469}} + T_{\text{GP175}} = 120.156.002 \text{ đồng.}$

(Bằng chữ: Một trăm hai mươi triệu, một trăm năm sáu nghìn, không trăm linh hai đồng)

9. Phương án nộp tiền: Nộp hàng năm và phân ra từng năm như sau:

- Số tiền phải nộp năm 2020 (=2017+2018+2019+2020): 82.000.647 đồng;

- Số tiền phải nộp năm tiếp theo (2021): 19.209.150 đồng;

- Số tiền nộp năm cuối cùng (2022) (tính đến hết ngày 26/12/2022): 18.946.205 đồng.

10. Số tiền, thời gian, địa điểm nộp tiền: Thực hiện theo thông báo của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa.

11. Trường hợp có vướng mắc, Công ty TNHH May Man Seon Global liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục thuế tỉnh Thanh Hóa để được hướng dẫn, giải quyết kịp thời.

Điều 2. Căn cứ nội dung Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

Hàng năm, tổng hợp kết quả phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, báo cáo UBND tỉnh và Cục Quản lý tài nguyên nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường (*trước ngày 15/12*); đồng thời chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Sở Tài chính và các ngành, đơn vị có liên quan kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về tính, thu, nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

2. Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm:

- Ban hành thông báo đến Công ty TNHH May Man Seon Global về số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp ngân sách Nhà nước chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định này;

- Ban hành các thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, tiền chậm nộp, tiền phạt theo quy định của pháp luật về quản lý thuế do quá thời hạn ghi trên thông báo (*nếu có*) và gửi Công ty TNHH May Man Seon Global; tổng hợp, hạch toán, báo cáo số thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo chế độ hiện hành;

- Định kỳ hàng năm (*trước ngày 15/12*) tổng hợp kết quả thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa gửi Sở Tài chính và Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

3. Công ty TNHH May Man Seon Global có trách nhiệm:

- Nộp số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước vào ngân sách Nhà nước đúng thời hạn theo thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa;

- Sau khi nhận được giấy chứng nhận đã nộp tiền vào ngân sách nhà nước, Công ty TNHH May Man Seon Global gửi 01 bản sao có chứng thực về Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa để theo dõi;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp phát hiện kê khai không trung thực dẫn đến giảm số tiền phải nộp thì sẽ bị truy thu và xử lý theo quy định của pháp luật;

- Nếu phát sinh các trường hợp phải điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước quy định tại Khoản 1, Điều 12, Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Công ty TNHH May Man Seon Global phải lập ngay hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

4. UBND huyện Vĩnh Lộc; UBND thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc thực hiện công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH May Man Seon Global.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Lộc; Chủ tịch UBND thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc; Giám đốc Công ty TNHH May Man Seon Global; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT TT Nguyễn Đức Quyền;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, NN, KTTC.
(QĐ 20.41938)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thi